

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-DS ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bé B, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Anh Vương Văn H, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn x, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Bé B, trình bày:*

Chị và anh Vương Văn H quen biết, tự nguyện tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở thôn 5, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, sống không có trách nhiệm với con cái. Chị B đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H không thay đổi. Hiện nay chị B và anh H đã sống ly thân. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vương Văn H.

Về con chung: Chị B trình bày chị và anh H có 01 con chung tên là Vương Thị Tuyết Y, sinh ngày: 01/12/2013. Hiện nay cháu Y đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y; chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trình bày, ý kiến của anh Vương Văn H:* Bị đơn anh Vương Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh Hoàng không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản xác minh ngày 06/01/2021 về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện sống và sinh hoạt của anh H và chị B:* Qua xác minh tại Hội phụ nữ, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi, đại diện Hội phụ nữ xã M cho biết Hội phụ nữ không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Trương Thị Bé B và anh Vương Văn H vì Hội không nghe chị B hay anh H báo với Hội về mâu thuẫn cũng như có đơn thư nhờ Hội phụ nữ can thiệp và Chi hội phụ nữ thôn X cũng không báo về trường hợp này, nên Hội phụ nữ xã không rõ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bé B. Đối với con chung là cháu Vương Thị Tuyết Y, sinh ngày: 01/12/2013. Hiện nay cháu Y đang sống chung với chị B. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Y cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vương Văn H hiện tại có chỗ ở tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Vương Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 70/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 29/12/2020; Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ 29/TB-TA ngày 12/01/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 30 /TB-TA ngày 12/01/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 60/TB-TA ngày 18/01/2021; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 75/TB-TA ngày 01/02/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-DS ngày 24/5/2021, nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, chị Ba có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Vương Văn H và chị Trương Thị Bé B là phù hợp quy định pháp luật.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bé B và anh Vương Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh H có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh H không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ con, sống không có trách nhiệm với con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần

triệu tập anh H làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị B và anh H đoàn tụ, nhưng anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh H không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị B là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bé B, cho chị Trương Thị Bé B được ly hôn với anh Vương Văn H là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung tên là Vương Thị Tuyết Y, sinh ngày: 01/12/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Y hiện đang được chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Y có đơn trình bày khi chị B và anh H ly hôn cháu Y có nguyện vọng được sống chung với chị B và chị B cũng yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y còn anh H không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh H có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu Y hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu Y, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Bé B, giao cháu Vương Thị Tuyết Y cho chị Trương Thị Bé B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H vắng mặt nên không có ý kiến.

Về nợ chung: Chị B trình bày không có, anh H vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Trương Thị Bé B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bé B; chị Trương Thị Bé B được ly hôn với anh Vương Văn H.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên là Vương Thị Tuyết Y, sinh ngày: 01/12/2013 cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Vương Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị B và anh H có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Bé B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005689 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Bé B và anh Vương Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã M, huyện TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thanh Hòa**